THUYẾT MINH ĐỀ TÀI

**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ**

**(do sinh viên thực hiện)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. TÊN ĐỀ TÀI:**  **Website đánh giá điểm rèn luyện theo hướng metadata** | | | | | | | | | | | | **2. MÃ SỐ:**  **TSV2017-15** | | | | |
| **Lĩnh vực ưu tiên**  🞏 Lĩnh vực 1. Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, thủy sản và môi trường  🞏 Lĩnh vực 2. Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên  🞏 Lĩnh vực 3. Công nghệ và công nghệ thông tin – truyền thông  🞏 Lĩnh vực 4. Khoa học Giáo dục, Luật và Xã hội Nhân văn  🞏 Lĩnh vực 5. Phát triển kinh tế, Thị trường | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Khoa học Tự nhiên |  | Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ |  | | Khoa học Y, dược |  | Khoa học Nông nghiệp |  | | Khoa học Xã hội |  | Khoa học Nhân văn |  | | | | | | | | | | | | | **4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cơ  bản | | | Ứng  dụng | | | Triển  khai | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | |
| **5. THỜI GIAN THỰC HIỆN: 06 tháng**  Từ tháng 06 năm 2017  đến tháng 11 năm 2017 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **6. ĐƠN VỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  Tên đơn vị: Khoa Công nghệ thông tin – truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ  Điện thoại: 0710 3831301  E-mail: webmaster@cit.ctu.edu.vn  Địa chỉ: Khu 2 trường đại học Cần Thơ, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ  Họ và tên thủ trưởng đơn vị: Trần Cao Đệ. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  **Họ và tên:** Trần Hoàng Thảo Nguyên  Ngày tháng năm sinh: 29/01/1997  Điện thoại di động: 01635709426  E-mail: thaonguyentranhoang9@gmail.com | | | | | | | MSSV: B1509938  Lớp: Khoa học máy tính A2 K41 (DI15Z6A2)  Khóa: 41 | | | | | | | | | |
| **8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Họ và tên | MSSV, Lớp, Khóa | | | | | Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao | | | | | | Chữ ký | |
| 1 | | | Bùi Công Đạt (Thành viên chính) | MSSV: B1410564  Lớp: Công nghệ Thông Tin (HG14V7A1)  Khóa: 40 | | | | | * Lập trình phần xử lý và cơ chế phân quyền. * Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin theo hướng metadata | | | | | |  | |
| 2 | | | Trần Hoàng Thảo Nguyên  (Chủ nhiệm đề tài) | MSSV: B1509938  Lớp: Khoa học Máy tính A2 (15Z6A2)  Khóa: 41 | | | | | * Gặp nhà Trường để xin phép sử dụng các dữ liệu liên quan. * Liên hệ giảng viên khi cần xin ý kiến. * Tìm hiểu các quy trình, thu thập các biểu mẫu liên quan đến việc đánh giá điểm rèn luyện. * Thiết kế giao diện. * Kiểm thử. | | | | | |  | |
| 3 | | | Cao Thanh Thi (Thành viên) | MSSV: B1412524  Lớp: Công nghệ thông tin A1 (HG14V7A1)  Khóa: 40 | | | | | * Thiết kế giao diện. * Lập trình phần xử lý. * Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin theo hướng metadata. | | | | | |  | |
| 4 | | | Hà Mỹ Tú (Thành viên) | MSSV: B1412549  Lớp: Công nghệ thông tin A2 (HG14V7A2)  Khóa: 40 | | | | | * Thiết kế giao diện. * Lập trình phần xử lý. * Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin theo hướng metadata. | | | | | |  | |
| **Cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên | | | | Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn | | | | | Nhiệm vụ | | | | | | Chữ ký | |
| (Thầy) Nguyễn Ngọc Mỹ | | | | Đơn vị: Bộ môn Công nghệ thông tin  Chuyên môn: Khoa học máy tính | | | | | Hướng dẫn nội dung khoa học và Hướng dẫn lập dự toán kinh phí đề tài | | | | | |  | |
| **9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên đơn vị  trong và ngoài nước | | | | Nội dung phối hợp nghiên cứu | | | | | | | | | | Họ và tên người đại diện đơn vị | | |
| Đoàn Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông | | | | Tìm hiểu quy trình xét điểm rèn luyện và xin cung cấp các dữ liệu liên quan đề tài. | | | | | | | | | | ThS. Trần Minh Tân | | |
| **10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**  10.1. Trong nước  Tại trường đại học Cần Thơ, công tác tính điểm rèn luyện, đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên một cách khách quan vẫn còn nhiều hạn chế. Việc xếp loại, đánh giá diễn ra trong nội bộ cán bộ, ban chấp hành…Và sinh viên thường quên, không kịp cập nhật thành tích hoạt động phong trào của mình, gây ảnh hưởng đến thành tích xếp loại.  10.2. Ngoài nước  Không  10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu  a) Của chủ nhiệm đề tài: Không  b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu: Không | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **11. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI**  Các sinh viên thường xuyên thắc mắc, khiếu nại về điểm rèn luyện của mình. Nhiều bạn thậm chí bức xúc vì điểm thấp trong khi chưa cập nhật, tìm hiểu nguyên nhân rõ ràng. Vì vậy, nhu cầu cần một website để hỗ trợ đánh giá khách quan, công khai theo tiêu chuẩn nhà trường là một điều rất cần thiết. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI**  Mục tiêu chính của đề tài là xây dựng hệ thống cho phép sinh viên tự cập nhật các chứng chỉ có tính điểm rèn luyện, sau đó chuyển giao kết quả tự đánh giá của sinh viên cho các cấp cao hơn để xét duyệt. Các mục đánh giá được thiết kế động để phòng ngừa có sự thay đổi trong phiếu đánh giá về sau. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **13. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**  13.1. Đối tượng nghiên cứu:   * Mẫu phiếu điểm rèn luyện với các mục đánh giá. * Quá trình rèn luyện của sinh viên: thông tin các chứng chỉ có tính điểm rèn luyện, thông tin kỷ luật, thông tin chứng nhận phong trào có tính điểm rèn luyện. * Phân quyền cho các các nhân - tổ chức tham gia vào quy trình đánh giá điểm rèn luyện: sinh viên, chi đoàn, giáo viên cố vấn, Đoàn Khoa.   13.2. Phạm vi nghiên cứu  Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu và xây dựng một ứng dụng trên nền web sao cho hệ thống này có thể sử dụng được trong phạm vi bất kỳ Khoa nào trong trường. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **14. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**  14.1. Cách tiếp cận  Lý thuyết – thực trạng => Giải pháp  14.2. Phương pháp nghiên cứu   * Tìm hiểu quy trình đánh giá điểm rèn luyện và các tiêu chí đánh giá. * Liên hệ với phía nhà trường để xin dữ liệu mẫu phục vụ cho các công đoạn tiếp theo. * Phân tích thiết kế hệ thống thông tin sao cho có thể gắn kết được với hệ thống quản lý hiện có của trường. * Lập trình và kiểm thử các chức năng. * Thu thập các ý kiến đóng góp và hoàn thiện dần sản phẩm. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **15. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**  15.1. Nội dung nghiên cứu (***Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài***)   * Tìm hiểu quy trình và biểu mẫu đánh giá điểm rèn luyện. * Mô hình hóa các dữ liệu liên quan đến việc đánh giá điểm rèn luyện. * Thu thập dữ liệu thông tin sinh viên và tìm cách gắn kết vào mô hình đặc thù của đề tài. * Xây dựng hệ thống phân quyền phù hợp với từng cấp của quy trình đánh giá. * Xây dựng hệ thống tính điểm và xếp loại điểm rèn luyện một cách tự động nhưng có kiểm duyệt.   15.2. Tiến độ thực hiện | | | | | | | | | | | | | | | | |
| STT | | Các nội dung, công việc  thực hiện | | | Sản phẩm | | | | | | Thời gian  (bắt đầu-kết thúc) | | | | Người thực hiện và số ngày thực hiện | |
| 1 | | Tìm hiểu quy trình đánh giá điểm rèn luyện và các tiêu chí đánh giá | | | File mô tả và sơ đồ luồng công việc; Danh sách các tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện. | | | | | | 1/6/2017 – 8/6/2017 | | | | Trần Hoàng Thảo Nguyên: 8 ngày  Bùi Công Đạt: 8 ngày  Cao Thanh Thi: 8 ngày  Hà Mỹ Tú: 8 ngày | |
| 2 | | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin gắn kết được với hệ thống quản lý hiện có của trường | | | Mô hình tổ chức dữ liệu (ERD, MLD,…) | | | | | | 8/6/2017 – 30/6/2017 | | | | Liên hệ:Trần Hoàng Thảo Nguyên: 22 ngày  Phân tích thiết kế: Bùi Công Đạt: 22 ngày Cao Thanh Thi: 22 ngày  Hà Mỹ Tú: 22 ngày | |
| 3 | | Lập trình và kiểm thử các chức năng | | | Ứng dụng web | | | | | | 1/7/2017 – 15/9/2017 | | | | Lập trình: Bùi Công Đạt: 76 ngày  Cao Thanh Thi: 76 ngày Hà Mỹ Tú: 76 ngày  Kiểm thử: Trần Hoàng Thảo Nguyên: 76 ngày | |
| 4 | | Đánh giá tổng quan và hoàn thiện sản phẩm | | | Ứng dụng web | | | | | | 16/9/2017 – 31/10/2017 | | | | Lập trình: Bùi Công Đạt:47 ngày  Cao Thanh Thi: 47 ngày  Hà Mỹ Tú:47 ngày  Kiểm thử: Trần Hoàng Thảo Nguyên: 47ngày | |
| 5 | | Báo cáo nghiệm thu | | | Ứng dụng web và bản báo cáo nghiệm thu | | | | | | trong tháng 11/2017 | | | | Trần Hoàng Thảo Nguyên: 31 ngày  Bùi Công Đạt: 31 ngày  Cao Thanh Thi: 31 ngày  Hà Mỹ Tú : 31 ngày | |
| **16. SẢN PHẨM** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Stt | | Tên sản phẩm | | | | Số lượng | | | | Yêu cầu chất lượng sản phẩm  *(mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm*  *đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)* | | | | | | |
| I | | Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học...)  Không | | | | | | | | | | | | | | |
| II | | Sản phẩm đào tạo (Đại học): Không | | | | | | | | | | | | | | |
| III | | Sản phẩm ứng dụng | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | | Website đánh giá điểm rèn luyện. | | | | 1 | | | | * Tiện lợi, giao diện thân thiện, đơn giản. * Chức năng: cập nhật hồ sơ sinh viên, chứng chỉ tính điểm rèn luyện, cộng điểm, xếp loại, tạo một mạng lưới liên kết giữa sinh viên và các cấp của nhà trường để xét điểm và lưu hồ sơ. * Sinh viên: xem, cập nhật, gửi thông tin chứng thực việc cộng điểm thông qua các mail báo cáo, report. * Các cấp quản lý: thêm/sửa/xóa danh sách-đối tượng tham gia các phong trào (danh sách sinh viên có chứng chỉ, danh sách sinh viên vi phạm,...). Xác nhận thông tin được gửi. Thống kê số lượng xét loại | | | | | | |
| **17. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG**  17.1. Phương thức chuyển giao  Tích hợp vào hệ thống quản lí của trường đại học Cần Thơ, sau đó phân quyền phù hợp cho các cán bộ, giảng viên và sinh viên sử dụng.  17.2. Địa chỉ ứng dụng  Các đơn vị và cá nhân liên quan đến việc đánh giá điểm rèn luyện tại trường đại học Cần Thơ.  **18. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**  18.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo  Giúp sinh viên theo dõi được điểm rèn luyện hiện có của mình để thay đổi, cải thiện điểm kịp thời. Đồng thời giúp giáo viên, cán bộ nhà trường tiết kiệm được nhiều thời gian cộng và xét điểm.  Thông qua đề tài này chúng em còn có cơ hội học tập thêm về ngôn ngữ lập trình Web, kiểm tra kiến thức chuyên ngành, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm quen với việc nghiên cứu khoa học trong sinh viên.  18.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan: Không  18.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội: Không  18.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu  Giúp nhà trường có được một trang web – một công cụ hữu ích, dễ sử dụng để xét điểm rèn luyện. Tạo ra một hệ thống xét điểm thống nhất cho toàn trường đại học, giúp tăng tính minh bạch và tiết kiệm thời gian. Như vậy có thể hạn chế tối đa được việc các sinh viên không hiểu, thắc mắc cách tính điểm và khiếu nại không cần thiết. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  **Kinh phí thực hiện đề tài:** 12.000.000đồng.  Trong đó:  Ngân sách Nhà nước: 12.000.000đồng.  Các nguồn khác: 0 đồng.  *Đơn vị tính: đồng* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Stt** | **Khoản chi, nội dung chi** | | | | | | | **Tổng kinh phí** | | | | | **Nguồn kinh phí** | | | |
| **Kinh phí**  **từ NSNN** | | | **Các nguồn khác** |
| 1 | Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu | | | | | | | 0 | | | | | 0 | | |  |
| 2 | Chi tiền công lao động trực tiếp | | | | | | | 7.775.000 đ | | | | | 7.775.000 đ | | |  |
| 3 | Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn | | | | | | | 900.000 đ | | | | | 900.000 đ | | |  |
| 4 | Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu | | | | | | | 2.725.000 đ | | | | | 2.725.000 đ | | |  |
| 5 | Chi quản lý chung (5%) | | | | | | | 600.000 đ | | | | | 600.000 đ | | |  |
|  | **Tổng cộng** | | | | | | | **12.000.000 đ** | | | | | **12.000.000 đ** | | |  |

*Ngày 14 tháng 04 năm 2017*

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CÁN BỘ HƯỚNG DẪN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

VÀ TRUYỀN THÔNG

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC